

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 08 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

### 1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

### 2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Văn Huy

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 47



# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

### CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 về việc thay đổi Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu VNE thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 10/7/2024 theo Quyết định số 354/QĐ-SGDHCM ngày 03/7/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; cổ phiếu VNE đồng thời được theo dõi ở diện kiểm soát theo Quyết định số 168/QĐ-SGDHCM ngày 04/4/2024 và theo dõi ở diện cảnh báo theo Quyết định số 222/QĐ-SGDHCM ngày 17/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch
Ông Trần Quang Cần	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Như	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thường	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 02/01/2024)
Ông Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 02/01/2024)

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ số 7.3 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty trong kỳ hoạt động phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Tịnh**  
**Tổng Giám đốc**

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Số: 341/2024/BCSXHN-CPA VIETNAM-NV2

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2024, từ trang 06 đến trang 47, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2024, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Tổng Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Tại thời điểm 30/6/2024, số dư công nợ phải thu (Mã số 131, 132) chưa đối chiếu, xác nhận là 142,2 tỷ VND (tại ngày 31/12/2023 là 56,6 tỷ VND); số dư công nợ phải trả (Mã số 311, 312, 320) chưa được đối chiếu, xác nhận là 167,1 tỷ VND (tại ngày 31/12/2023 là 258,1 tỷ VND). Chúng tôi đã tiến hành thực hiện các thủ tục để xem xét các số dư này, tuy nhiên các thủ tục mà chúng tôi thực hiện chưa giúp chúng tôi có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết đối với tính hiện hữu đối với các khoản công nợ phải thu, phải trả này, các khoản dự phòng cần trích lập theo các quy định về lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán. Do đó, Chúng tôi không thể xác định được số liệu cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Tổng Công ty hay không.

**Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Các vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Phần thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả các vấn đề như sau:

- Như đã trình bày tại Thuyết minh 5.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả việc Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 VND.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh 7.4 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của Bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty.
- Như đã trình bày tại Thuyết minh 4, bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty giảm 34,40% so với năm trước; Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty lỗ 70.901.832.154 VND, trong đó, khoản lỗ phân bổ cho Công ty mẹ là 67.579.159.053 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 28.821.856.742 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai. Những điều kiện này, cho thấy sự tồn tại của các yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

**Vấn đề khác**

Tổng Công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 theo Nghị quyết số 19 NQ/VNECO-HĐQT ngày 05/8/2024 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam về việc đơn vị kiểm toán để soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024.



**Nguyễn Thị Mai Hoa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2024/UQ/CPA VIETNAM ngày 02/01/2024 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=100+110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.755.266.154.576</b>	<b>1.968.384.072.242</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>21.564.429.143</b>	<b>49.943.041.773</b>
1. Tiền	111		16.669.028.526	38.688.534.630
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.895.400.617	11.254.507.143
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>9.524.328.954</b>	<b>25.453.052.944</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		3.011.852	3.011.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2.379.752)	(2.439.952)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		9.523.696.854	25.452.481.044
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>986.958.826.916</b>	<b>1.166.563.858.043</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	634.526.671.097	810.146.251.780
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	157.771.102.196	163.676.887.389
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		1.200.000.000	200.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	208.244.734.849	209.640.120.573
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(14.783.681.226)	(17.099.401.699)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>581.571.014.470</b>	<b>558.055.074.605</b>
1. Hàng tồn kho	141	5.7	581.573.575.717	558.127.696.714
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.561.247)	(72.622.109)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>155.647.555.093</b>	<b>168.369.044.877</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	112.517.139	168.940.074
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		155.344.239.913	168.119.771.360
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.16	190.798.041	80.333.443
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.648.226.105.288</b>	<b>1.785.977.952.707</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>7.690.542.550</b>	<b>7.456.007.144</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	409.683.406	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	7.280.859.144	7.456.007.144
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>791.991.833.986</b>	<b>828.655.155.387</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	760.352.696.834	796.823.361.507
- Nguyên giá	222		1.049.702.146.795	1.068.860.322.856
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.349.449.961)	(272.036.961.349)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	31.639.137.152	31.831.793.880
- Nguyên giá	228		36.524.143.848	36.524.143.848
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.885.006.696)	(4.692.349.968)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.11</b>	<b>102.393.877.459</b>	<b>226.246.124.834</b>
1. Nguyên giá	231		102.393.877.459	226.246.124.834
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.12</b>	<b>684.159.030.796</b>	<b>666.579.888.405</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		79.857.851.629	79.873.851.629
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		604.301.179.167	586.706.036.776
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.2</b>	<b>45.269.303.589</b>	<b>38.853.387.949</b>
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		16.766.395.951	7.170.480.311
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.823.808.160	30.823.808.160
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.320.900.522)	(2.320.900.522)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	3.180.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>16.721.516.908</b>	<b>18.187.388.988</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.122.427.957	2.020.048.204
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.13	12.696.007.168	12.946.495.793
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.903.081.783	3.220.844.991
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>3.403.492.259.864</b>	<b>3.754.362.024.949</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>2.476.749.960.710</b>	<b>2.747.776.376.350</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.854.804.404.412</b>	<b>2.001.216.202.969</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	282.048.420.290	469.667.691.058
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	218.971.218.055	314.067.910.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	10.692.836.776	16.979.823.167
4. Phải trả người lao động	314		17.694.585.796	17.062.502.936
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	163.107.984.365	83.122.332.776
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18	30.319.814	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	40.238.428.411	28.905.632.521
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	1.117.375.781.379	1.066.246.487.312
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.20	1.272.356.792	1.339.286.799
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.372.472.734	3.824.535.919
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>621.945.556.298</b>	<b>746.560.173.381</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		34.826.394.169	564.472.217
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.15	8.742.072.242	8.742.072.242
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18	27.429.347	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.21	577.017.513.738	735.762.513.695
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.20	1.332.146.802	1.491.115.227
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>926.742.299.154</b>	<b>1.006.585.648.599</b>
<b>(400 = 410)</b>				
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.22</b>	<b>926.742.299.154</b>	<b>1.006.585.648.599</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>904.329.530.000</i>	<i>904.329.530.000</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.035.198.453	2.039.888.383
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.095.055.143	7.095.055.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(87.627.513.743)	(87.627.513.743)
7. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.416.928.247	16.763.832.141
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		187.800.358	187.800.358
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.083.492.906	124.543.299.726
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>124.543.299.726</i>	<i>142.659.724.568</i>
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>(66.459.806.820)</i>	<i>(18.116.424.842)</i>
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		27.221.807.790	39.253.756.591
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.403.492.259.864</b>	<b>3.754.362.024.949</b>
<b>(440 = 300+400)</b>				

Người lập biểu



Võ Quang

Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2024  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Tịnh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	311.589.512.624	474.967.088.926
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		311.589.512.624	474.967.088.926
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	264.146.039.159	377.609.699.156
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		47.443.473.465	97.357.389.770
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	793.514.635	4.930.375.940
7. Chi phí tài chính	22	6.4	95.465.398.726	73.221.212.817
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		92.782.799.172	69.640.550.052
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		235.963.388	278.717.342
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	85.249.377	263.638.605
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	23.413.429.592	28.051.261.945
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)+24-(25+26)}	30		(70.491.126.207)	1.030.369.685
12. Thu nhập khác	31	6.6	1.338.223.668	434.902.533
13. Chi phí khác	32	6.6	1.223.129.881	304.479.750
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	115.093.787	130.422.783
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(70.376.032.420)	1.160.792.468
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	249.105.620	1.057.692.618
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.8	276.694.114	(405.915.725)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(70.901.832.154)	509.015.575
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(67.579.159.053)	3.271.998.357
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.322.673.101)	(2.762.982.782)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(825)	40
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.10	(748)	40

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Võ Quang



Phạm Đỗ Minh Triết



Nguyễn Tịnh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

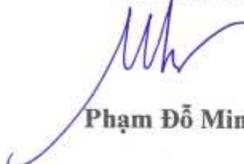
CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(70.376.032.420)	1.160.792.468
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		31.011.859.261	31.635.841.087
- Các khoản dự phòng	03		(2.385.841.535)	443.513.905
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		1.280.090.464	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(295.435.978)	(4.875.959.790)
- Chi phí lãi vay	06		92.782.799.172	69.640.550.052
- Các khoản điều chỉnh khác	07		(11.112.728.522)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		40.904.710.442	98.004.737.722
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		196.213.872.521	376.689.643.879
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		96.936.368.372	(76.313.810.571)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(330.915.841.751)	(379.388.938.130)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		954.043.182	1.151.347.182
- Tiền lãi vay đã trả	14		(26.370.750.333)	(41.324.890.641)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.092.195.990)	(356.246.597)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(452.063.185)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(28.821.856.742)	(21.538.157.156)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17.629.542.391)	(16.078.925.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		674.814.815	31.167.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(8.148.007.419)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		17.908.784.190	11.035.729.594
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.284.410.075)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		518.640.000	1.082.816.850
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		250.637.962	2.704.781.565
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.723.334.576	(15.656.847.667)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền thu từ đi vay	33		260.106.024.898	709.613.458.374
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(261.386.216.429)	(672.524.393.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.280.191.531)	37.089.065.264
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(28.378.713.697)	(105.939.559)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	49.943.041.773	158.760.669.197
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		101.067	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	21.564.429.143	158.654.729.638

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

  
Võ Quang

Kế toán trưởng

  
Phạm Đỗ Minh Triết

Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Tịnh



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2024

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101450 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2005, đăng ký thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 về việc thay đổi Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Tên tiếng anh: VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION.

Tên viết tắt: VNECO.

Vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 27/02/2023 là: 904.329.530.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm lẻ bốn tỷ, ba trăm hai mươi chín triệu, năm trăm ba mươi nghìn đồng).

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được giao dịch trên sàn HOSE với mã VNE. Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, cổ phiếu VNE thuộc diện cảnh báo kể từ ngày 10/7/2024 theo Quyết định số 354/QĐ-SGDHCM ngày 03/7/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; cổ phiếu VNE đồng thời được theo dõi ở diện kiểm soát theo Quyết định số 168/QĐ-SGDHCM ngày 04/4/2024 và theo dõi ở diện cảnh báo theo Quyết định số 222/QĐ-SGDHCM ngày 17/4/2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ trụ sở chính: 344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Số lao động của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là 104 người (Tại ngày 31/12/2023 là 143 người).

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500 Kv, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định DA đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh điện;

107  
GT  
HH  
TOÀ  
T.N  
NỘI

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải.
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ: Xây lắp đường dây, lắp đặt trạm biến áp và kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng.

**1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30/6/2024, Tổng Công ty có các Công ty con, liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

<b>Công ty con</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>	<b>Tỉ lệ quyền biểu quyết</b>	<b>Tỉ lệ góp vốn</b>	<b>Tỉ lệ lợi ích</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	54,73%	54,73%	54,73%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Xây lắp các công trình lưới điện	55,93%	55,93%	55,93%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12	155 Lý Thường Kiệt, Thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Xây lắp các công trình lưới điện	65,73%	65,73%	65,73%
Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, Xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

<u>Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ góp vốn</u>	<u>Tỉ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO	125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	51%	51%	51%
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	132 Cao Đức Lân, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	344 Phan Châu Trinh phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần VNECO-RME	132 Cao Đức Lân, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	51%	38,97%	51%
<b>Công ty liên kết</b>					
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3 Trung Đô, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	Xây lắp các công trình lưới điện	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Khu vực 6, Phường Trần Quang Diệu, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	Xây lắp các công trình lưới điện	47,11%	47,11%	47,11%

<u>Tên đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>
Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - CN Miền Bắc	10A15 Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

**1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của Tổng Công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua Công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 được hợp nhất trên cơ sở Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và các Công ty con là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 4, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 8, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 12, Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1, Công ty TNHH Điện Mặt trời VNECO - Hòa Thắng, Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung, Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO, Công ty TNHH Đầu tư VNECO, Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO, Công ty Cổ phần VNECO-RME.

Ngày 20/6/2024, Tổng Công ty đã bán 51.864 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 theo Nghị quyết số 23 NQ/VNECO-HDQT ngày 30/8/2023 của Hội đồng Quản trị; theo đó kể từ ngày 20/6/2024, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 không còn là Công ty con của Tổng Công ty, tỷ lệ vốn nắm giữ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là 49,00% (tại ngày 01/01/2024 là 52,93%). Do đó, Tổng Công ty chỉ hợp nhất số liệu trên Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Giả định về khả năng hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty giảm 34,40% so với năm trước; Kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty lỗ 70.669.089.563 VND, trong đó, khoản lỗ phân bổ cho Công ty mẹ là 67.346.416.462 VND. Trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, Tổng Công ty có lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trong kỳ âm 28.821.856.742 VND. Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào khả năng thu hồi các khoản phải thu, gia hạn các khoản vay, các khoản phải trả từ các ngân hàng thương mại, các nhà cung cấp và hiệu quả hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thường xuyên đánh giá và tích cực triển khai các kế hoạch đối phó với khủng hoảng để Tổng Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và tiếp tục hoạt động phát triển. Các giải pháp đã và đang thực hiện như sau:

- Tổng Công ty đã thực hiện các biện pháp cắt giảm các chi phí phù hợp với quy mô hoạt động.
- Tổng Công ty đã làm việc với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân về việc giải chấp các bất động sản đang cầm cố để Tổng Công ty chuyển nhượng và thanh toán nợ vay đến hạn. Số tiền giao dịch tối thiểu là 118 tỷ VND.
- Trong 6 tháng cuối năm 2024, Tổng Công ty có kế hoạch bán các bất động sản đầu tư đã được phân loại lại thành hàng hóa bất động sản tại ngày 30/6/2024 để bổ sung nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh và kế hoạch dòng tiền, cũng như khả năng thu hồi và cân đối nguồn tiền để thanh toán các khoản công nợ và nghĩa vụ tài chính đến hạn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

i.N:  
CÔ  
T  
TIỀN  
AV  
HÀ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Các khoản đầu tư khác:** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

**Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư**

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

010  
NG  
JH  
TC  
JET  
NG

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	04 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế và phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 1 đến 4 năm.

 19  
 TY  
 H  
 AN  
 VAN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Cho thuê tài sản**

***Cho thuê hoạt động***

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị công trình xây dựng trên đất tại thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ với Thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi lập Bảng cân đối kế toán tại thời điểm lập Báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

***Chi phí trả trước khác***

Chi phí trả trước khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 đến 36 tháng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản Nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản Nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản Nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành
- Chi phí lãi vay

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Tổng Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Tổng Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả sau khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

**Hợp đồng xây dựng**

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)*****Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4: 01  
ÔNG  
T N  
EM T  
VIE  
HÀ T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp, hoạt động dịch vụ và các hoạt động khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	2.049.776.000	1.310.470.256
Tiền gửi ngân hàng	14.619.252.526	37.378.064.374
Các khoản tương đương tiền	4.895.400.617	11.254.507.143
- Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (*)	4.895.400.617	11.254.507.143
<b>Tổng</b>	<b>21.564.429.143</b>	<b>49.943.041.773</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng tại Ngân hàng.

**5.2. Đầu tư tài chính****a. Chứng khoán kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Chứng khoán kinh doanh</b>						
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9	3.011.852	632.100	(2.379.752)	3.011.852	571.900	(2.439.952)
<b>Tổng</b>	<b>3.011.852</b>	<b>632.100</b>	<b>(2.379.752)</b>	<b>3.011.852</b>	<b>571.900</b>	<b>(2.439.952)</b>

Tổng Công ty xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 28/6/2024 và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)****b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>9.523.696.854</b>	<b>9.523.696.854</b>	<b>25.452.481.044</b>	<b>25.452.481.044</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	9.523.696.854	9.523.696.854	25.452.481.044	25.452.481.044
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.180.000.000</b>	<b>3.180.000.000</b>
- Trái phiếu	-	-	3.180.000.000	3.180.000.000
<b>Tổng</b>	<b>9.523.696.854</b>	<b>9.523.696.854</b>	<b>28.632.481.044</b>	<b>28.632.481.044</b>

**c. Đầu tư vào Công ty liên kết***Đơn vị tính: VND*

	Tỷ lệ		30/6/2024		01/01/2024	
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ	Giá trị ghi sổ	Giá trị theo phương pháp vốn chủ
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>11.170.830.000</b>	<b>16.766.395.951</b>	<b>4.703.750.000</b>	<b>7.170.480.311</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	47,11%	47,11%	4.703.750.000	7.406.443.699	4.703.750.000	7.170.480.311
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (*)	49,00%	49,00%	6.467.080.000	9.359.952.252	-	-
<b>Tổng</b>			<b>11.170.830.000</b>	<b>16.766.395.951</b>	<b>4.703.750.000</b>	<b>7.170.480.311</b>

(\*) Ngày 30/8/2023, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 23 NQ/VNECO-HĐQT về việc thống nhất chủ trương bán một phần vốn đầu tư của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3. Số cổ phần sẽ bán: 51.864 cổ phần tương ứng 3,93% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3; Phương thức bán: Thỏa thuận hoặc khớp lệnh trên sàn HNX. Theo đó, sau khi hoàn thành việc bán một phần vốn đầu tư thì tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 sẽ còn lại là 646.708 cổ phần tương đương 49% vốn điều lệ Công ty. Thời gian thực hiện: tháng 9 đến tháng 10 năm 2023. Nghị quyết số 07 NQ/VNECO-HĐQT ngày 27/2/2024 của Hội đồng Quản trị gia hạn thời gian thực hiện Nghị quyết 23 NQ/VNECO-HĐQT đến tháng 5 năm 2024.

Ngày 20/6/2024, Tổng Công ty đã bán 51.864 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3; theo đó kể từ ngày 20/6/2024, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 không còn là Công ty con của Tổng Công ty, tỷ lệ vốn nắm giữ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là 49,00% (tại ngày 01/01/2024 là 52,93%).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.2. Đầu tư tài chính (Tiếp theo)****d. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>30.823.808.160</b>		<b>(2.320.900.522)</b>	<b>30.823.808.160</b>		<b>(2.320.900.522)</b>
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 1 (i)	179.472	74.000	-	179.472	179.472	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 9 (j)	916.740	207.900	-	916.740	916.740	-
- Công ty Cổ phần chế tạo Kết cấu thép VNECO.SSM (i)	1.913.808	696.800	-	1.913.808	1.913.808	-
- Công ty Cổ phần Sông Ba (i)	48.140	236.600	-	48.140	48.140	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hải Xuân VNECO (ii)	30.820.000.000	(ii)	(2.320.900.522)	30.820.000.000	(ii)	(2.320.900.522)
- Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 2 (i)	750.000	750.000	-	750.000	750.000	-
<b>Tổng</b>	<b>30.823.808.160</b>		<b>(2.320.900.522)</b>	<b>30.823.808.160</b>		<b>(2.320.900.522)</b>

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, và các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán được trình bày:

- (i) Tổng Công ty đã xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày 28/6/2024 và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.
- (ii) Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các Công ty không niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

**5.3. Phải thu khách hàng**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>634.526.671.097</b>	<b>810.146.251.780</b>
Công ty Cổ phần thương mại REENIZE	187.511.671.722	194.919.038.257
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	46.535.638.109	51.713.581.877
Công ty TNHH Thép Thiên Long	-	143.662
Các đối tượng khác	400.479.361.266	563.513.487.984
<b>Dài hạn</b>	<b>409.683.406</b>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	409.683.406	-
<b>Tổng</b>	<b>634.936.354.503</b>	<b>810.146.251.780</b>

Trong đó:

**Phải thu khách hàng là các bên liên quan**  
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

631.130.249

-

Giá trị quyền đòi nợ các khoản phải thu dùng để đảm bảo các khoản vay của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là 444.483.733.153 VND (tại ngày 31/12/2023 là 490.348.598.829 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Bộ chỉ huy quân sự - TP Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty TNHH xây dựng và thương mại FELIX	32.060.373.604	32.060.373.604
Các đối tượng khác	100.217.705.865	106.123.491.058
<b>Tổng</b>	<b>157.771.102.196</b>	<b>163.676.887.389</b>

(\*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**5.5. Phải thu khác**

Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>208.244.734.849</b>	<b>(11.517.676.000)</b>	<b>209.640.120.573</b>	<b>(11.774.355.177)</b>
Ký cược, ký quỹ	528.345.006	-	2.044.341.491	-
Tạm ứng	93.544.937.102	-	85.755.505.424	-
Phải thu khác	114.171.452.741	-	121.840.273.658	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	11.490.000.000	(11.490.000.000)	11.490.000.000	(11.490.000.000)
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE (*)	61.579.748.641	-	61.579.748.641	-
Phải thu khác	41.101.704.100	(27.676.000)	48.770.525.017	(284.355.177)
<b>Dài hạn</b>	<b>7.280.859.144</b>	<b>-</b>	<b>7.456.007.144</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	7.280.859.144	-	7.270.859.144	-
Các khoản khác	-	-	185.148.000	-
<b>Tổng</b>	<b>215.525.593.993</b>	<b>(11.517.676.000)</b>	<b>217.096.127.717</b>	<b>(11.774.355.177)</b>

Trong đó:

<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.843.050.814</b>	<b>-</b>	<b>19.997.174.034</b>	<b>-</b>
-----------------------------------	----------------------	----------	-----------------------	----------

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

(\*) Tổng Công ty đã ký hợp đồng số 08/2022/HĐXL-VNECO-REENIZE ngày 30/12/2022 để bàn giao công việc đang thực hiện cho Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE. Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE tiếp quản toàn bộ khối lượng đã thực hiện, đã nghiệm thu và sẽ tiếp tục thực hiện các phần việc còn lại để hoàn thành toàn bộ khối lượng công việc đã ký giữa Tổng Công ty với Công ty Cổ phần Xây dựng điện Hải Xuân, Công ty TNHH Về Nguồn, Công ty TNHH Đầu tư Lâm Thuận Phát. Tổng giá trị chuyển giao là 61.579.748.640 VND, đồng thời Tổng Công ty hạch toán giảm nợ phải thu với 3 đối tượng trên với tổng giá trị 64.398.171.902 VND, giảm giá trị dự phòng 53.550.041.972 VND và tăng phải thu Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE là 61.579.748.640 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.6. Nợ xấu***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	14.791.781.226	8.100.000	18.247.830.391	1.148.428.692
<b>Dự phòng phải thu khó đòi</b>	<b>14.783.681.226</b>		<b>17.099.401.699</b>	
<i>Trong đó:</i>	<b>Quá hạn 6 tháng-1 năm</b>	<b>Quá hạn 1-2 năm</b>	<b>Quá hạn 2-3 năm</b>	<b>Quá hạn trên 3 năm</b>
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà				11.490.000.000
Các khoản nợ xấu khác				3.301.781.226
<b>Tổng</b>				<b>14.791.781.226</b>

**5.7. Hàng tồn kho***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.290.570.024	-	19.810.859.839	(31.428.690)
Công cụ, dụng cụ	1.800.251.513	-	1.663.524.711	(1.878.552)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	408.425.777.648	-	501.629.957.863	(5.724.243)
Thành phẩm	5.136.032.363	(2.561.247)	7.469.330.649	(33.590.624)
Hàng hóa bất động sản	120.366.247.375	-	-	-
Hàng hóa	27.554.696.794	-	27.554.023.652	-
<b>Tổng</b>	<b>581.573.575.717</b>	<b>(2.561.247)</b>	<b>558.127.696.714</b>	<b>(72.622.109)</b>

(\*) Giá trị hàng hóa bất động sản dùng để thế chấp các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam tại ngày 30/6/2024: 120.366.247.375 VND. Chi tiết hàng hóa bất động sản dùng để thế chấp các khoản vay Ngân hàng là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại các địa điểm sau:

- Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 219C Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 129D Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.8. Chi phí trả trước**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>112.517.139</b>	<b>168.940.074</b>
Công cụ dụng cụ	30.960.142	27.921.457
Chi phí chờ phân bổ	81.556.997	141.018.617
<b>Dài hạn</b>	<b>1.122.427.957</b>	<b>2.020.048.204</b>
Công cụ dụng cụ	784.994.723	1.395.298.223
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	198.271.738	555.659.814
Chi phí trả trước dài hạn khác	139.161.496	69.090.167
<b>Tổng</b>	<b>1.234.945.096</b>	<b>2.188.988.278</b>

**5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	628.440.673.019	319.063.862.506	120.182.806.560	1.172.980.771	1.068.860.322.856
Tăng trong kỳ	-	34.400.000	-	-	34.400.000
Mua trong kỳ	-	34.400.000	-	-	34.400.000
XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	4.227.035.569	8.407.797.549	6.433.046.990	124.695.953	19.192.576.061
Thanh lý, nhượng bán	-	-	2.679.878.809	-	2.679.878.809
Giảm do chuyển từ					
Công ty sang Công ty liên kết (*)	4.227.035.569	8.257.797.549	3.753.168.181	124.695.953	16.362.697.252
Giảm khác	-	150.000.000	-	-	150.000.000
Số dư tại 30/6/2024	624.213.637.450	310.690.464.957	113.749.759.570	1.048.284.818	1.049.702.146.795
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	122.300.358.222	109.080.364.535	39.855.896.426	800.342.166	272.036.961.349
Tăng trong kỳ	16.694.858.157	9.813.827.183	4.302.030.874	8.486.319	30.819.202.533
Khấu hao trong kỳ	16.694.858.157	9.813.827.183	4.302.030.874	8.486.319	30.819.202.533
Giảm trong kỳ	3.688.789.977	4.778.931.981	4.919.909.899	119.082.064	13.506.713.921
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.755.524.483	-	1.755.524.483
Giảm do chuyển từ					
Công ty sang Công ty liên kết (*)	3.688.789.977	4.628.931.981	3.164.385.416	119.082.064	11.601.189.438
Giảm khác	-	150.000.000	-	-	150.000.000
Số dư tại 30/6/2024	135.306.426.402	114.115.259.737	39.238.017.401	689.746.421	289.349.449.961
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại 01/01/2024	506.140.314.797	209.983.497.971	80.326.910.134	372.638.605	796.823.361.507
Tại 30/6/2024	488.907.211.048	196.575.205.220	74.511.742.169	358.538.397	760.352.696.834

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 69.241.551.707 VND (tại ngày 31/12/2023 là 75.279.477.397 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 740.202.721.411 VND (tại ngày 31/12/2023 là 838.490.913.528 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình***Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm tin học	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2024	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2024	4.063.081.648	50.086.320	579.182.000	4.692.349.968
Tăng trong kỳ	192.638.728	-	18.000	192.656.728
Khấu hao trong kỳ	192.638.728	-	18.000	192.656.728
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2024	4.255.720.376	50.086.320	579.200.000	4.885.006.696
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2024	31.831.775.880	-	18.000	31.831.793.880
Tại 30/6/2024	31.639.137.152	-	-	31.639.137.152

Quyền sử dụng đất bao gồm các thửa đất có Giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 185623 ngày 14/11/2012 thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 118 tại số 64 đường Hoàng Văn Thái, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 6.568,6 m<sup>2</sup>, nguyên giá 19.277.284.289 VND, thời gian sử dụng đất đến 13/11/2062;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 634777 ngày 14/12/2017 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5-22 tại xã An Vĩnh Ngãi, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An với diện tích 615 m<sup>2</sup>, nguyên giá 1.335.095.636 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 161263 ngày 11/3/2011 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tại phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị với diện tích 136 m<sup>2</sup>, nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 086817 ngày 18/6/2001 thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 09 tại phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị với diện tích 140 m<sup>2</sup>, nguyên giá 3.015.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 1074673 ngày 20/7/2011 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 88 tại Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân – giai đoạn 2, Phường Hòa Xuân, Huyện Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 179,1 m<sup>2</sup>, nguyên giá 7.995.000.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài;
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 376134 QSD/ATM ngày 15/12/2005 tại số 10 Đào Duy Từ phường Thống Nhất, Thành phố Buôn Mê Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, nguyên giá 1.257.477.000 VND, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2024 là 629.286.320 VND (tại ngày 31/12/2023 là 538.836.320 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 16.279.041.517 VND (tại ngày 31/12/2023 là 16.617.572.636 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.11. Tăng, giảm bất động sản đầu tư***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	01/01/2024	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2024
<b>a. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá</b>				
<b>Nguyên giá</b>	<b>226.246.124.834</b>	-	<b>123.852.247.375</b>	<b>102.393.877.459</b>
Quyền sử dụng đất	222.697.090.842	-	122.629.143.375	100.067.947.467
Cơ sở hạ tầng	3.549.033.992	-	1.223.104.000	2.325.929.992
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	-	-	-	-
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>226.246.124.834</b>	-	<b>123.852.247.375</b>	<b>102.393.877.459</b>
Quyền sd đất	222.697.090.842	-	122.629.143.375	100.067.947.467
Cơ sở hạ tầng	3.549.033.992	-	1.223.104.000	2.325.929.992

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất nắm giữ với mục đích chờ tăng giá tại các địa điểm sau:

- Số 153/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 157/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 167 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/3 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/11/6 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Số 173/11/7 Nguyễn Thị Minh Khai, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị ngày 11/01/2024 về việc quan hệ tín dụng và các nội dung liên quan Ngân hàng của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty: Nhằm phối hợp với Ngân hàng trong việc thực hiện các nội dung tái cơ cấu doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty thống nhất chuyển nhượng 03 tài sản là Bất động sản tại đường Nguyễn Đình Chính tại Thành phố Hồ Chí Minh trong năm 2024. Do đó, trong kỳ Tổng Công ty đã điều chỉnh giảm giá trị các bất động sản này sang khoản mục hàng tồn kho để phục vụ mục đích bán trong tương lai.

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư dùng để thế chấp các khoản vay tại ngày 30/6/2024 là 102.393.877.459 VND (tại ngày 31/12/2023 là 226.246.124.834 VND).

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2024 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho toàn bộ bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2024 do chưa thu thập đủ thông tin về thị trường để phục vụ cho mục đích xác định giá trị hợp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.12. Tài sản dở dang dài hạn***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Chi phí SXKD dở dang	79.857.851.629	79.857.851.629	79.873.851.629	79.873.851.629
Khu đô thị mới Mỹ Thuận	79.857.851.629	79.857.851.629	79.873.851.629	79.873.851.629
<b>Chi phí XDCB dở dang</b>	<b>604.301.179.167</b>	<b>604.301.179.167</b>	<b>586.706.036.776</b>	<b>586.706.036.776</b>
Dự án siêu thị Greenmart (*)	72.416.851.673	72.416.851.673	72.416.851.673	72.416.851.673
Dự án nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong (*)	526.327.814.629	526.327.814.629	508.846.480.566	508.846.480.566
Các dự án khác	5.556.512.865	5.556.512.865	5.442.704.537	5.442.704.537
<b>Tổng</b>	<b>684.159.030.796</b>	<b>684.159.030.796</b>	<b>666.579.888.405</b>	<b>666.579.888.405</b>

(\*) Toàn bộ giá trị 02 dự án “Siêu thị Greenmart” và dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong” đang được Tổng Công ty dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay Ngân hàng.

**5.13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	12.696.007.168	12.946.495.793
<b>Tổng</b>	<b>12.696.007.168</b>	<b>12.946.495.793</b>

**5.14. Phải trả người bán***Đơn vị tính: VND*

	30/6/2024		01/01/2024	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>282.048.420.290</b>	<b>282.048.420.290</b>	<b>469.667.691.058</b>	<b>469.667.691.058</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	10.393.282.882	10.393.282.882	78.433.183.764	78.433.183.764
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh thép Thăng Lợi	4.712.618.423	4.712.618.423	15.028.200.638	15.028.200.638
Công ty Cổ phần Sao Thái Sơn	-	-	43.823.893.768	43.823.893.768
Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Sao Việt Linh	797.297.853	797.297.853	34.237.969	34.237.969
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE	-	-	13.947.366.535	13.947.366.535
Công ty Cổ phần Ecoplastics Solutions	-	-	2.245.947.335	2.245.947.335
Các đối tượng khác	266.145.221.132	266.145.221.132	316.154.861.049	316.154.861.049
<b>Dài hạn</b>	<b>34.826.394.169</b>	<b>34.826.394.169</b>	<b>564.472.217</b>	<b>564.472.217</b>
Công ty Cổ phần Sao Thái Sơn	6.957.506.144	6.957.506.144	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu tư Cát Tường	27.868.888.025	27.868.888.025	-	-
Các đối tượng khác	-	-	564.472.217	564.472.217
<b>Tổng</b>	<b>316.874.814.459</b>	<b>316.874.814.459</b>	<b>470.232.163.275</b>	<b>470.232.163.275</b>

Trong đó:

**Phải trả các bên liên quan**

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

	16.449.764.757	16.449.764.757	4.287.372.511	4.287.372.511
--	----------------	----------------	---------------	---------------

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.15. Người mua trả tiền trước**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>218.971.218.055</b>	<b>314.067.910.481</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng & Phát triển Cơ sở Hạ tầng số 9 Hà Nội	108.947.225.373	192.200.986.187
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	21.161.106.645	25.252.468.577
Công ty Cổ phần Malblue	-	32.240.999.965
Các đối tượng khác	88.862.886.037	64.373.455.752
<b>Dài hạn</b>	<b>8.742.072.242</b>	<b>8.742.072.242</b>
Công ty Cổ phần Malblue	8.742.072.242	8.742.072.242
<b>Tổng</b>	<b>227.713.290.297</b>	<b>322.809.982.723</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<b>802.161.649</b>	<b>40.983.072.207</b>

**5.16. Thuế và các khoản phải thu/nộp Nhà nước**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2024
<b>Phải nộp</b>	<b>16.979.823.167</b>	<b>3.007.453.043</b>	<b>9.294.439.434</b>	<b>10.692.836.776</b>
Thuế giá trị gia tăng	991.078.096	2.216.218.417	2.136.003.967	1.071.292.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.391.190.100	21.636.447	6.092.195.990	9.320.630.557
Thuế thu nhập cá nhân	276.264.421	50.518.197	114.985.455	211.797.163
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	265.094.607	642.389.095	846.882.652	60.601.050
Lệ phí môn bài	-	28.000.000	28.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	56.195.943	48.690.887	76.371.370	28.515.460
<b>Phải thu</b>	<b>80.333.443</b>	<b>196.619.093</b>	<b>307.083.691</b>	<b>190.798.041</b>
Thuế giá trị gia tăng	-	196.619.211	282.101.705	85.482.494
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.591.763	(118)	-	7.591.881
Thuế thu nhập cá nhân	72.601.956	-	18.590.345	91.192.301
Thuế khác	139.724	-	6.391.641	6.531.365

**5.17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>163.107.984.365</b>	<b>83.122.332.776</b>
Lãi vay phải trả	95.827.430.624	19.480.661.334
Trích trước chi phí công trình	29.086.057.001	57.864.585.283
Chi phí phải trả khác	38.194.496.740	5.777.086.159
<b>Tổng</b>	<b>163.107.984.365</b>	<b>83.122.332.776</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.18. Doanh thu chưa thực hiện**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>30.319.814</b>	-
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bán hàng trả chậm, trả góp	30.319.814	-
<b>Dài hạn</b>	<b>27.429.347</b>	-
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bán hàng trả chậm, trả góp	27.429.347	-
<b>Tổng</b>	<b>57.749.161</b>	-

**5.19. Phải trả khác**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>40.238.428.411</b>	<b>28.905.632.521</b>
Kinh phí công đoàn	1.199.050.279	1.295.494.751
Bảo hiểm xã hội	4.743.615.200	4.156.581.651
Các khoản phải trả, phải nộp khác	34.295.762.932	23.453.556.119
<b>Tổng</b>	<b>40.238.428.411</b>	<b>28.905.632.521</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Số dư phải trả khác với các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>	<i>1.060.000.000</i>	<i>7.236.684.930</i>

**5.20. Dự phòng phải trả**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.272.356.792</b>	<b>1.339.286.799</b>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.272.356.792	1.339.286.799
<b>Dài hạn</b>	<b>1.332.146.802</b>	<b>1.491.115.227</b>
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.332.146.802	1.491.115.227
<b>Tổng</b>	<b>2.604.503.594</b>	<b>2.830.402.026</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận  
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**Mẫu số B 09a -DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.21. Vay và nợ tài chính**Đơn vị tính: VND

	30/6/2024		Phát sinh trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>899.639.418.396</b>	<b>899.639.418.396</b>	<b>123.555.168.288</b>	<b>223.136.106.045</b>	<b>999.220.356.153</b>	<b>999.220.356.153</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (1)	399.462.540.813	399.462.540.813	37.863.840.539	49.334.748.883	410.933.449.157	410.933.449.157
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (2)	80.010.288.086	80.010.288.086	-	11.844.903.343	91.855.191.429	91.855.191.429
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 4 Hồ Chí Minh (3)	158.365.314.400	158.365.314.400	7.331.527.659	3.360.000.000	154.393.786.741	154.393.786.741
Các đối tượng khác	261.801.275.097	261.801.275.097	78.359.800.090	158.596.453.819	342.037.928.826	342.037.928.826
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>217.736.362.983</b>	<b>217.736.362.983</b>	<b>188.960.342.208</b>	<b>38.250.110.384</b>	<b>67.026.131.159</b>	<b>67.026.131.159</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (4)	129.529.973.367	129.529.973.367	62.771.842.208	30.000.000	66.788.131.159	66.788.131.159
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (5)	88.142.389.616	88.142.389.616	126.000.000.000	37.857.610.384	-	-
Các đối tượng khác	64.000.000	64.000.000	188.500.000	362.500.000	238.000.000	238.000.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b>577.017.513.738</b>	<b>577.017.513.738</b>	<b>30.215.342.251</b>	<b>188.960.342.208</b>	<b>735.762.513.695</b>	<b>735.762.513.695</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam- CN Hải Vân (4)	1.412.148.100	1.412.148.100	-	62.771.842.208	64.183.990.308	64.183.990.308
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (5)	525.390.023.387	525.390.023.387	-	126.000.000.000	651.390.023.387	651.390.023.387
Các đối tượng khác	50.215.342.251	50.215.342.251	30.215.342.251	188.500.000	20.188.500.000	20.188.500.000
<b>Tổng</b>	<b>1.694.393.295.117</b>	<b>1.694.393.295.117</b>	<b>342.730.852.747</b>	<b>450.346.558.637</b>	<b>1.802.009.001.007</b>	<b>1.802.009.001.007</b>

Trong đó:

Số dư vay và nợ thuê tài chính với các bên  
liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

6.380.799.998	6.380.799.998	4.160.800.000	-	24.424.967.252	24.424.967.252
---------------	---------------	---------------	---	----------------	----------------

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận  
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán tại ngày 30/6/2024 như sau:

	30/6/2024 (VND)		01/01/2024 (VND)	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
<b>Vay</b>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	24.610.136.701	3.778.275.335	24.568.000.000	1.906.466.639
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	28.449.619.599	3.857.300.990	40.000.000.000	1.519.802.759
Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Sở giao dịch	10.560.372.725	576.892.347	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội	6.996.897.769	560.793.442	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng	11.812.082.391	3.433.873.254	11.812.082.391	2.625.630.554
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đống Đa	12.440.772.114	1.334.157.767	10.740.772.114	400.315.411
Công ty Cổ phần MALBLUE	983.669.624	61.310.915	-	-
<b>Tổng</b>	<b>95.853.550.923</b>	<b>13.602.604.050</b>	<b>87.120.854.505</b>	<b>6.452.215.363</b>

(1) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 03/2023/242753/HĐTĐ ngày 22/12/2023:

Hạn mức tín dụng : 691.000.000.000 VND;

Thời hạn cấp hạn mức : kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30/11/2024;

Lãi suất : được xác định trong từng trường hợp cụ thể;

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Biện pháp bảo đảm : Tài sản cố định, bất động sản và các tài sản khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.

(2) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-1498-01 ngày 30/11/2023:

Hạn mức tín dụng : 250.000.000.000 VND;

Thời hạn cấp hạn mức : 12 tháng từ ngày ký Hợp đồng. Thời hạn vay được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận  
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.21. Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)**

Lãi suất : được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động (cho vay, phát hành bảo lãnh, LC) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;

Biện pháp đảm bảo : Quyền đòi nợ từ các hợp đồng đầu ra, cầm cố, thế chấp bằng các hợp đồng tiền gửi và Trái phiếu thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty và các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo các hợp đồng bảo đảm với Ngân hàng.

(3) Tổng Công ty vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Cn 4 Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2022-HĐCVHM/NHCT908-TCTVNECO ngày 10/01/2023:

Hạn mức tín dụng : 200.000.000.000 VND;

Thời hạn cấp hạn mức : từ ngày 10/01/2023 đến hết ngày 31/12/2023;

Lãi suất : được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;

Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;

Đảm bảo tiền vay : Theo các hợp đồng thế chấp tài sản cụ thể sau:

- Các phương tiện vận tại theo các hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2022/HĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 và 02/2022/HĐBĐ/NHCT909-VNE ngày 29/04/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp lần lượt là 819.000.000 VND và 4.095.000.000 VND;
- Quyền đòi nợ/Các khoản phải thu theo các Hợp đồng thế chấp Quyền tài sản;
- Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 201/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 7.414.000.000 VND;
- Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 202/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 07/06/2022 với tổng giá trị tài sản đảm bảo thế chấp là 12.916.100.000 VND;
- Bất động sản theo Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 06/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 19/07/2022 và Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 07/2022/HĐBĐ/NHCT908-VNE ngày 14/10/2022.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận  
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a -DN/HN  
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.21. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

(4) Tổng Công ty vay ngắn hạn Vetotrade Management Limited Company theo Hợp đồng vay từng lần:

- Số tiền : theo từng hợp đồng cụ thể;
- Thời hạn cho vay : không quá 40 ngày đến 60 ngày;
- Lãi suất : Từ 13,5%/ năm đến 14%/năm.
- Mục đích vay : Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Đảm bảo tiền vay : Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(5) Hợp đồng mua bán nợ số 12529/23MN.HĐMBN “Vè: Mua bán khoản nợ tại Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1” ngày 26/10/2023 với tổng dư nợ gốc tại thời điểm mua bán là 651.390.023.387 VND. Thời hạn trả nợ tối đa 78 tháng kể từ ngày ký hợp đồng mua bán. Lãi suất được áp dụng theo mức lãi suất cho thời hạn trả nợ trên 60 tháng được công bố từng thời kỳ cụ thể.

Mục đích vốn vay : để tài trợ, bù đắp chi phí đầu tư, xây dựng dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong”, công suất 30,4 MW tại xã Hòa Thắng, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận.

Tài sản đảm bảo : các tài sản đảm bảo theo được chi tiết như sau:

- Toàn bộ dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong” công suất 30,4MW tại xã Hòa Thắng, xã Hồng Phong, huyện Bắc Bình và phường Mũi né, TP Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Bao gồm nhưng không giới hạn:
  - + Quyền sử dụng đất/quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và tài sản hình thành trong tương lai là CTXD trên đất và toàn bộ MMTB (bao gồm hệ thống trạm biến áp, đường dây đầu nối) của dự án “Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong”;
  - + Toàn bộ quyền tài sản và các quyền lợi, lợi ích hiện hữu và phát sinh trong tương lai từ việc đầu tư, phát triển và khai thác dự án “Nhà máy điện gió Thuận nhiên Phong”.
- Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán điện giữa Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 và Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN);
- Toàn bộ phần vốn góp (Tối thiểu 440 tỷ VND, tương đương 100% vốn góp) tại Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1;
- Cổ phiếu (Chấp nhận cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa 8,3 triệu CP) của Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;
- Tiền gửi theo Sổ tiết kiệm/Hợp đồng tiền gửi mở tại HD Bank.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận  
Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**Mẫu số B 09a -DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

**5.2.2. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a. Biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại 01/01/2023	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.763.832.141	187.800.358	142.635.805.631	49.677.366.333	1.034.349.642.246
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	(18.116.424.842)	(10.423.609.741)	(28.540.034.583)
Bán cổ phiếu quỹ	-	(487.401.547)	-	1.239.523.547	-	-	-	-	752.122.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	(322.192.638)	-	(322.192.638)
Tăng do thay đổi tỷ lệ góp vốn tại Công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	346.111.575	(1)	346.111.574
<b>Số dư tại 31/12/2023</b>	<b>904.329.530.000</b>	<b>2.039.888.383</b>	<b>7.095.055.143</b>	<b>(87.627.513.743)</b>	<b>16.763.832.141</b>	<b>187.800.358</b>	<b>124.543.299.726</b>	<b>39.253.756.591</b>	<b>1.006.585.648.599</b>
Số dư tại 01/01/2024	904.329.530.000	2.039.888.383	7.095.055.143	(87.627.513.743)	16.763.832.141	187.800.358	124.543.299.726	39.253.756.591	1.006.585.648.599
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	(67.579.159.053)	(3.322.673.101)	(70.901.832.154)
Thoái vốn Công ty con thành Công ty liên kết (* )	-	(4.689.930)	-	-	(1.346.903.894)	-	1.119.352.233	(8.709.275.700)	(8.941.517.291)
<b>Số dư tại 30/6/2024</b>	<b>904.329.530.000</b>	<b>2.035.198.453</b>	<b>7.095.055.143</b>	<b>(87.627.513.743)</b>	<b>15.416.928.247</b>	<b>187.800.358</b>	<b>58.083.492.906</b>	<b>27.221.807.790</b>	<b>936.742.299.154</b>

(\* ) Ngày 20/6/2024, Tổng Công ty đã bán 51.864 cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 theo Nghị quyết số 23 NQ/VNECO-HĐQT ngày 30/8/2023 của Hội đồng quản trị; theo đó kể từ ngày 20/6/2024, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 không còn là Công ty con của Tổng Công ty, tỷ lệ vốn nắm giữ của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2024 là 49,00% (tại ngày 01/01/2024 là 52,93%).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**5.22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Vốn góp các cổ đông	816.702.016.257	816.702.016.257
Cổ phiếu quỹ	87.627.513.743	87.627.513.743
<b>Tổng</b>	<b>904.329.530.000</b>	<b>904.329.530.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp tại đầu kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	904.329.530.000	904.329.530.000

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu được mua lại	8.522.702	8.377.720
Cổ phiếu phổ thông	8.522.702	8.377.720
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.910.251	82.055.233
Cổ phiếu phổ thông	81.910.251	82.055.233
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**5.23. Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ****a. Ngoại tệ**

	30/6/2024	01/01/2024
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
USD	47,43	73,83

**b. Nợ khó đòi đã xử lý**

<b>Tên đối tượng</b>	<b>Năm xử lý</b>	<b>Giá trị VND</b>
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân	2021	66.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	2021	32.027.715.546
Các đối tượng khác	2021	8.890.162.851
<b>Tổng</b>		<b>107.438.736.730</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	96.384.688.809	281.557.781.286
Doanh thu hoạt động xây dựng	214.690.679.042	192.883.139.326
Doanh thu hoạt động khác	514.144.773	526.168.314
<b>Tổng</b>	<b>311.589.512.624</b>	<b>474.967.088.926</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	59.351.848.990	217.690.054.622
Giá vốn hoạt động xây dựng	204.546.562.679	159.717.773.969
Giá vốn hoạt động khác	247.627.490	201.870.565
<b>Tổng</b>	<b>264.146.039.159</b>	<b>377.609.699.156</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	577.803.829	4.809.785.790
Lãi chậm trả, chậm thanh toán	215.609.739	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	35.007.000
Doanh thu tài chính khác	101.067	85.583.150
<b>Tổng</b>	<b>793.514.635</b>	<b>4.930.375.940</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.4 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Lãi tiền vay	92.782.799.172	69.640.550.052
Lỗ thoái vốn Công ty con	232.742.591	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ cuối kỳ	1.280.191.531	-
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(60.200)	(44.472)
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.169.725.632	3.580.707.237
<b>Tổng</b>	<b>95.465.398.726</b>	<b>73.221.212.817</b>

**6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>85.249.377</b>	<b>263.638.605</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	85.249.377	238.879.623
Chi phí bằng tiền khác	-	24.758.982
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>23.413.429.592</b>	<b>28.051.261.945</b>
Chi phí nhân viên quản lý	12.053.279.042	14.632.088.006
Chi phí vật liệu quản lý	-	16.533.224
Chi phí đồ dùng văn phòng	830.411.570	1.245.377.514
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.823.223.732	4.264.511.945
Thuế phí và lệ phí	945.620.997	329.670.198
Chi phí dự phòng	(2.315.720.473)	443.754.705
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.462.670.890	3.176.011.625
Chi phí bằng tiền khác	3.613.943.834	3.943.314.728
<b>Tổng</b>	<b>23.498.678.969</b>	<b>28.314.900.550</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thu thanh lý, nhượng bán vật tư	119.000.000	-
Lãi thuần từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	157.947.813	96.333.696
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	158.968.425	294.581.676
Tiền phạt thanh toán chậm	424.563.381	-
Thu nhập khác	477.744.049	43.987.161
<b>Tổng</b>	<b>1.338.223.668</b>	<b>434.902.533</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Lãi chậm nộp thuế, phạt vi phạm về thuế	556.322.743	128.428.198
Lỗ thuần từ hoạt động thanh lý tài sản cố định	440.214.597	-
Chi phí khác	226.592.541	176.051.552
<b>Tổng</b>	<b>1.223.129.881</b>	<b>304.479.750</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>115.093.787</b>	<b>130.422.783</b>

**6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế	249.105.620	1.057.692.618
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>249.105.620</b>	<b>1.057.692.618</b>

**6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	276.694.114	(405.915.725)
<b>Tổng</b>	<b>276.694.114</b>	<b>(405.915.725)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024.

**6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
<b>Công ty mẹ</b>	<b>(67.579.159.053)</b>	<b>3.271.998.357</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(67.579.159.053)</b>	<b>3.271.998.357</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành binh quân trong kỳ (cổ phiếu)	81.910.251	81.546.249
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(825)</b>	<b>40</b>

**6.10 Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
<b>Công ty mẹ</b>	<b>(67.579.159.053)</b>	<b>3.271.998.357</b>
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>(67.579.159.053)</b>	<b>3.271.998.357</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (CP)	81.910.251	81.546.249
Số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến bán ra (CP) (*)	8.377.720	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>(748)</b>	<b>40</b>

(\*) Ngày 18/7/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 12 NQ/VNECO-HĐQT về việc thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ của Tổng Công ty. Theo đó, số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến bán là 8.377.720 cổ phiếu; Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung nguồn vốn lưu động; Giá bán: Theo quy chế giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; thời gian dự kiến giao dịch: quý 3 và quý 4 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	43.094.221.636	91.595.135.092
Chi phí nhân công	30.916.262.523	27.233.509.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.011.859.261	31.635.841.087
Chi phí dự phòng	(2.315.720.473)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	126.735.773.151	217.772.538.431
Chi phí khác bằng tiền	14.369.372.617	12.145.147.295
<b>Tổng</b>	<b>243.811.768.715</b>	<b>380.382.171.050</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thông tin về các bên liên quan**

Công ty có các bên liên quan như sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cá nhân có liên quan đến các thành viên quản lý chủ chốt	Ảnh hưởng đáng kể

Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

**a. Lương, thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc**

Nội dung	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
		Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, Ban kiểm soát	Lương, thưởng và thù lao

**Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND
		Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT
Phạm Phú Mai	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	42.000.000
Đào Ngọc Quỳnh	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT	42.000.000	253.968.650
Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT	42.000.000	42.000.000
<b>Tổng</b>		<b>984.000.000</b>	<b>997.968.650</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng BKS	150.000.000	150.000.000
Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Nguyên Thành viên BKS	-	24.000.000
Lê Chí Dũng	Thành viên BKS	24.000.000	-
Nguyễn Thị Như	Thành viên BKS	24.000.000	24.000.000
<b>Tổng</b>		<b>198.000.000</b>	<b>198.000.000</b>

**Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc	kết thúc
		ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
		VND	VND
Nguyễn Tịnh	Tổng Giám đốc	400.536.707	352.328.077
Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	253.777.873	-
Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	253.786.461	252.055.305
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	252.741.828	222.860.077
Nguyễn Văn Quảng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/01/2024)	230.113.080	251.796.170
Đỗ Ngọc Long	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 02/01/2024)	60.000.000	-
<b>Tổng</b>		<b>1.450.955.949</b>	<b>1.079.039.629</b>

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc	kết thúc
			ngày 30/6/2024	ngày 30/6/2023
			VND	VND
<b>Vay</b>			<b>4.160.800.000</b>	<b>4.661.967.260</b>
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Vay tiền	39.800.000	-
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Vay tiền	4.121.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Vay tiền	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Malblue (ii)	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Vay tiền	(ii)	4.461.967.260

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)****c. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			<b>631.130.249</b>	-
<i>Phải thu khách hàng ngắn hạn</i>			<i>221.446.843</i>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (i)	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	221.446.843	(i)
<i>Phải thu khách hàng dài hạn</i>			<i>409.683.406</i>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (i)	Công ty liên kết	Phải thu khách hàng	409.683.406	(i)
<b>Phải thu khác</b>			<b>1.843.050.814</b>	<b>19.997.174.034</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Phải thu khác	4.520.548	4.520.548
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (i)	Công ty liên kết	Phải thu khác	1.838.530.266	(i)
Công ty Cổ phần Malblue (ii)	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Phải thu khác	(ii)	19.992.653.486
<b>Phải thu về cho vay</b>			<b>1.000.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (i)	Công ty liên kết	Phải thu về cho vay	1.000.000.000	(i)
<b>Phải trả người bán</b>			<b>16.449.764.757</b>	<b>4.287.372.511</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết	Phải trả người bán	4.271.731.419	4.279.562.511
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (i)	Công ty liên kết	Phải trả người bán	12.178.033.338	(i)
Công ty Cổ phần Malblue (ii)	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Phải trả người bán	(ii)	7.810.000
<b>Người mua trả tiền trước</b>			<b>802.161.649</b>	<b>40.983.072.207</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 3 (i)	Công ty liên kết	Người mua trả tiền trước	802.161.649	(i)
Công ty Cổ phần Malblue (ii)	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Người mua trả tiền trước	(ii)	40.983.072.207
<b>Vay và nợ thuê tài chính</b>			<b>6.380.799.998</b>	<b>24.424.967.252</b>
Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	Vay	89.800.000	50.000.000
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Vay	4.121.000.000	-
Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên BKS	Vay	2.169.999.998	2.169.999.998
Công ty Cổ phần Malblue (ii)	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Vay	(ii)	22.204.967.254
<b>Các khoản phải trả khác</b>			<b>1.060.000.000</b>	<b>7.236.684.930</b>
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Phải trả khác	-	3.254.999.998
Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	Phải trả khác	1.060.000.000	3.851.000.000
Công ty Cổ phần Malblue (ii)	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt	Phải trả khác	(ii)	130.684.932

(i) Từ ngày 20/6/2024, Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO3 từ Công ty con chuyển thành Công ty liên kết của Tổng Công ty, do vậy, Tổng Công ty không trình bày số liệu so sánh.

(ii) Tại ngày 30/6/2024, Công ty Cổ phần Malblue không còn là bên liên quan của Tổng Công ty, do vậy, Tổng Công ty không trình bày số liệu tại ngày 30/6/2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.2 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024:

*Đơn vị tính: VND*

	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Xây dựng	Hoạt động khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Doanh thu thuần	96.384.688.809	214.690.679.042	514.144.773	311.589.512.624
Giá vốn	59.351.848.990	204.546.562.679	247.627.490	264.146.039.159
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>37.032.839.819</b>	<b>10.144.116.363</b>	<b>266.517.283</b>	<b>47.443.473.465</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	37.032.839.819	10.144.116.363	266.517.283	47.443.473.465
Doanh thu hoạt động tài chính				793.514.635
Chi phí tài chính				(95.465.398.726)
Lãi (lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết				235.963.388
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng				(23.498.678.969)
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD				115.093.787
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(525.799.734)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>(70.901.832.154)</b>

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023:

*Đơn vị tính: VND*

	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Xây dựng	Hoạt động khác	Tổng
<b>DOANH THU</b>				
Doanh thu	281.557.781.286	192.883.139.326	526.168.314	474.967.088.926
Giá vốn	217.690.054.622	159.717.773.969	201.870.565	377.609.699.156
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>63.867.726.664</b>	<b>33.165.365.357</b>	<b>324.297.749</b>	<b>97.357.389.770</b>
<b>KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>				
Kết quả bộ phận	63.867.726.664	33.165.365.357	324.297.749	97.357.389.770
Doanh thu hoạt động tài chính				4.930.375.940
Chi phí tài chính				(73.221.212.817)
Lãi (lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết				278.717.342
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng				(28.314.900.550)
Lợi nhuận khác				130.422.783
Thuế thu nhập doanh nghiệp				(651.776.893)
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>				<b>509.015.575</b>

019  
TY  
IH  
CÁN  
NAI  
31-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại 30/6/2024 như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Xây dựng	Hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản phân bổ	303.269.665.740	672.023.956.683	1.545.136.291.328	2.520.429.913.751
Tài sản không phân bổ				883.062.346.113
<b>Tổng tài sản</b>				<b>3.403.492.259.864</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả phân bổ	552.210.237	477.332.017.270	61.423.924.806	539.308.152.313
Nợ phải trả không thể phân bổ				1.937.441.808.397
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.476.749.960.710</b>

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2024 như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	Xây dựng	Hoạt động khác	Tổng
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản phân bổ	2.267.076.251.205	1.483.753.291.628	3.532.482.116	3.754.362.024.949
Tài sản không phân bổ				-
<b>Tổng tài sản</b>				<b>3.754.362.024.949</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Nợ phải trả phân bổ	1.659.248.235.798	1.085.942.755.647	2.585.384.905	2.747.776.376.350
Nợ phải trả không thể phân bổ				-
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>2.747.776.376.350</b>

**7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 27/3/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 07 NQ/VNECO-HĐQT về việc gia hạn thời gian họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, dự kiến thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 chậm nhất đến ngày 30/6/2024. Đến ngày 28/6/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 11 NQ/VNECO-HĐQT về việc thay đổi thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 tại Quyết định số 07 QĐ/VNECO-HĐQT ngày 27/3/2024; Do Tổng Công ty cần thêm thời gian để tập trung giải quyết các vấn đề tồn tại trên một số công trình trọng điểm nhằm hoàn thiện hồ sơ, tài liệu, số liệu trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định nên thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 được thay đổi không muộn hơn ngày 15/9/2024. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty vẫn chưa tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Ngày 18/7/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã có Nghị quyết số 12 NQ/VNECO-HĐQT về việc thông qua phương án bán cổ phiếu quỹ của Tổng Công ty. Theo đó, số lượng cổ phiếu quỹ dự kiến bán là 8.377.720 cổ phiếu; Mục đích bán cổ phiếu quỹ: Bổ sung nguồn vốn lưu động; Giá bán: Theo quy chế giao dịch chứng khoán của Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh; thời gian dự kiến giao dịch: quý 3 và quý 4 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024

**7.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo)**

Ngày 29/7/2024, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã ban hành Quyết định số 13 QĐ/VNECO-HDQT về việc thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Nam Sông Hương. Ngày 05/8/2024, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 3301733197 cho Công ty. Trụ sở chính của Công ty tại Lô D19 Khu Đô Thị mới Mỹ Thượng, Xã Phú Mỹ, Huyện Phú Vang, Thừa Thiên - Huế.

Ngày 03/8/2024, Tổng Công ty nhận được Thông báo số 02/TB-TLPS của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản do chậm thanh toán công nợ với Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Hiện tại, Tổng Công ty đang rà soát số liệu công nợ và có kế hoạch thanh toán dứt điểm trong thời gian tới.

**7.4 Thông tin khác**

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 VND bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên, việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/6/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/6/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty số tiền 400.000.000.000 VND (gồm 310.000.000.000 VND tiền gốc và 90.000.000.000 VND tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 VND nói trên.

Theo Bản án số 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Hứa Thị Phấn và các bị cáo khác phạm tội "Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 VND trong 400.000.000.000 VND mà bà Ngô Kim Huệ đã chuyển trả cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 VND nêu trên cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Hiện tại, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả số tiền 200.000.000.000 VND được xác định là vật chứng vụ án cho ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam.

**7.5 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập biểu

Võ Quang

Kế toán trưởng

Phạm Đỗ Minh Triết

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 8 năm 2024  
Tổng Giám đốc



Nguyễn Tịnh